

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực
Tổ chức – Biên chế, Chính quyền địa phương thuộc phạm vi chức năng
quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ tỉnh An Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về việc kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 316/QĐ-BNV ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước lĩnh vực Tổ chức - Biên chế thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Quyết định số 319/QĐ-BNV ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước lĩnh vực Chính quyền địa phương thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 850/TTr-SNV ngày 17 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Tổ chức – Biên chế, Chính quyền địa phương thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ tỉnh An Giang (đính kèm Danh mục).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

- Bãi bỏ các thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, thay thế lĩnh vực Chính quyền địa phương thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ tỉnh An Giang;

- Bãi bỏ các thủ tục hành chính số 5, Mục III, Phần I ban hành kèm theo Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang;

- Bãi bỏ các thủ tục hành chính số 1, 2, 3, 4, 5 Mục A, số 1, 2, 3, 4, 5, 6 Mục B, Phần I; thủ tục hành chính số 1, 2, 3 Mục 1, Phần II ban hành kèm theo Quyết định số 233/QĐ-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Nội vụ tỉnh An Giang;

- Bãi bỏ các thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, thay thế trong lĩnh vực Chính quyền địa phương thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ tỉnh An Giang;

- Bãi bỏ thủ tục hành chính số 112 Mục 7; thủ tục hành chính số 2, 3, 21, 23, 24, 26, 27 Mục 9, Phụ lục I; thủ tục hành chính số 6, 7, 8 Mục 9, Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện và không thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.

- Bãi bỏ thủ tục hành chính số 1, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29 Mục 9, Phụ lục 1; thủ tục hành chính số 24 Phụ lục 4 ban hành kèm theo Quyết định số 1688/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trên địa bàn tỉnh An Giang;

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm soát TTHC - VPCP;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- VP. UBND tỉnh: LĐVP, TH;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Website tỉnh;
- Viễn thông An Giang (VNPT);
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Hồ Văn Mừng

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC TỔ CHỨC – BIÊN CHẾ, CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ, THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NỘI VỤ TỈNH AN GIANG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH					
1	1.009319.000.00.00.H01	Thủ tục thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập	Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ về thẩm định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ	Tổ chức – Biên chế	Sở Nội vụ
2	1.009320.000.00.00.H01	Thủ tục thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập		Tổ chức – Biên chế	Sở Nội vụ
3	1.009321.000.00.00.H01	Thủ tục thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập		Tổ chức – Biên chế	Sở Nội vụ

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
4	1.009331.000.00.00.H01	Thủ tục thẩm định thành lập tổ chức hành chính	Nghị định số 158/2018/NĐ-CP của Chính phủ về thẩm định thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ	Tổ chức – Biên chế	Sở Nội vụ
5	1.009332.000.00.00.H01	Thủ tục thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính		Tổ chức – Biên chế	Sở Nội vụ
6	1.009333.000.00.00.H01	Thủ tục thẩm định giải thể tổ chức hành chính		Tổ chức – Biên chế	Sở Nội vụ
7	1.009339.000.00.00.H01	Thủ tục thẩm định đề án vị trí việc làm	Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và biên chế công chức.	Tổ chức – Biên chế	Sở Nội vụ
8	1.009340.000.00.00.H01	Thủ tục thẩm định điều chỉnh vị trí việc làm		Tổ chức – Biên chế	Sở Nội vụ
9	1.005218.000.00.00.H01	Xếp hạng một số loại hình đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội	- Quyết định số 181/2005/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định về phân loại, xếp hạng tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công lập; - Thông tư số 18/2006/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 11 năm 2006 của	Tổ chức – Biên chế	Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
			Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xếp hạng một số loại hình đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành lao động, thương binh và xã hội.		
10	1.012268.000.00.00.H01	Thủ tục phân loại đơn vị hành chính cấp xã	Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính	Chính quyền địa phương	Sở Nội vụ.

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
11	2.000465.000.00.00.H01	Thủ tục thẩm định thành lập thôn mới, thôn tổ dân phố.	Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 Của Chính phủ Quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;	Chính quyền địa phương	Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ.
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN					
1	1.009322.000.00.00.H01	Thủ tục thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập	Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ về thẩm định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ	Tổ chức – Biên chế	Ủy ban nhân dân cấp huyện
2	1.009323.000.00.00.H01	Thủ tục thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập		Tổ chức – Biên chế	Ủy ban nhân dân cấp huyện
3	1.009324.000.00.00.H01	Thủ tục thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập		Tổ chức – Biên chế	Ủy ban nhân dân cấp huyện
4	1.011262.000.00.00.H01	Thủ tục thẩm định thành lập tổ chức hành chính	Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính	Tổ chức – Biên chế	Ủy ban nhân dân cấp huyện

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
5	1.009335.000.00.00.H01	Thủ tục thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính	Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính	Tổ chức – Biên chế	Ủy ban nhân dân cấp huyện
6	1.011263.000.00.00.H01	Thủ tục thẩm định giải thể tổ chức hành chính		Tổ chức – Biên chế	Ủy ban nhân dân cấp huyện